

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HS-ST

Ngày: 29-6-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà La Thị Thu Nga

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Thị Tr (tên gọi khác Bùi Thị Chánh, Bùi Thị Gái), sinh năm 1983 tại tỉnh Khánh Hòa. Nơi thường trú: 153A, khu phố B 1, phường BA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; Nơi tạm trú: Không; Nơi sinh sống trước khi bị bắt: Sống lang thang tại thị trấn LĐ, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn M (đã chết) và bà Đặng Thị H (đã chết); có chồng Nguyễn Minh H, sinh năm 1978 và có 07 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án: Có 07 tiền án:

Ngày 20/3/2000 bị Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 67/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 18/5/2009 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định đình chỉ thi hành án đối với việc đóng án phí.

Ngày 10/6/2003 bị Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 39/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 18/5/2009 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định đình chỉ thi hành án đối với việc đóng án phí.

Ngày 27/4/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 259/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù và đóng án phí ngày 23/12/2004.

Ngày 27/4/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 38/2007/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù và đóng án phí ngày 06/3/2008.

Ngày 14/12/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 745/2011/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù và đóng án phí ngày 06/3/2013.

Ngày 29/8/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 517/2012/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù và đóng án phí ngày 06/3/2013.

Ngày 13/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 63/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù 30/8/2020.

Tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 05-02-2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị hại:*

Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp 6, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

Chị Trần Thị Thanh M, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp 2, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

Chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp 1, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khu phố Long Bình, thị trấn LĐ, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp Ô, xã P, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người chứng kiến: Anh Phạm Thanh Tú, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp 2, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 04/02/2022, anh Phạm Thanh Tú phát hiện một người phụ nữ từ trong nhà chị Trần Thị Thanh M đi ra tỉnh lộ 329 rồi lên xe moto Honda Wave biển số 72G1-790.44 của người phụ nữ chở theo hướng từ Hòa Hưng đi Hòa Bình. Nghi vấn là kẻ gian nên anh Tú đuổi theo bắt giữ giao cho Công an xã HB để xác

minh làm rõ.

Quá trình điều tra xác định được Bùi Thị Tr là đối tượng có nhiều tiền án, sống lang thang tại thị trấn LĐ, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại đây, Trách có quen biết với Nguyễn Thị H ở khu phố Long Bình, thị trấn LĐ, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 02/02/2022 đến ngày 04/02/2022 với thủ đoạn giả đi bán vé số, Trách đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn huyện XM, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 02/02/2022 Trách đón xe bus từ huyện LĐ đến thị trấn Phước Bửu, rồi đi bộ theo tỉnh lộ 328 hướng từ thị trấn Phước Bửu đi xã HB. Khi đến trước nhà của chị Lê Thị Tr quan sát thấy cửa cổng, cửa nhà không khóa và không có người trông coi, Trách đẩy cổng đi vào trong nhà, vào phòng ngủ trộm được 5.390.000đ rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Vụ thứ hai: Khoảng 9 giờ ngày 04/02/2022 Trách thuê chị Nguyễn Thị H chở từ thị trấn LĐ đi huyện XM tìm kiếm tài sản để trộm cắp nhưng Trách nói với chị H là chở đi bán vé số, tiền công là 300.000đ, chị H đồng ý. Sau đó chị H sử dụng xe mô tô Honda Wave, biển số 72G1-790.44 chở Trách đi. Khi đến địa phận xã BL, huyện XM thì Trách nói với chị H cho xuống xe để tự đi bộ bán vé số còn chị H đi về trước. Trách đi bộ theo tỉnh lộ 328 khi đến trước nhà chị Phan Thị Cẩm T quan sát thấy cửa ra vào nhà chị Tú không đóng và không người trông coi. Trách mở cổng, đi vào nhà trộm cắp 02 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen để tại giường ngủ; tiếp tục ra phòng khách trộm cắp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, rồi tẩu thoát, sau đó tháo và bỏ sim trong điện thoại Samsung Galaxy J7.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 23/02/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện XM đã kết luận như sau: Điện thoại Samsung Galaxy A12, số email 353552/68/262549/9 có giá trị 2.650.000đ; Điện thoại Samsung Galaxy A12, số email 353552/68/262549/9 có giá trị 2.650.000đ; Điện thoại Samsung Galaxy J7 có giá trị 750.000đ; Sim điện thoại viettel số 0375763138 có giá trị 60.000đ; Tổng giá trị là 6.110.000đ.

Vụ thứ ba: Sau khi trộm cắp được tài sản của nhà chị Tú, Trách tiếp tục đi từ xã BL theo tỉnh lộ 328 hướng xã HH để tìm kiếm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi phát hiện nhà chị Trần Thị Thanh M không đóng cửa và không có người trông coi. Trách đi vào nhà phát hiện 01 bóp da trên bàn nên đã mở bóp lấy tiền bỏ vào túi áo, rút lại bóp da, rồi tẩu thoát ra tỉnh lộ 328. Anh Tú thấy có người đi từ trong nhà của chị M ra nên đã dùng xe mô tô chạy theo thì phát hiện Trách đang đi bộ về hướng xã HB, lúc này có Nguyễn Thị H chạy xe mô tô chở Trách đi. Khi Huệ chở Trách đến địa phận ấp 4, xã HB thì anh Tú đuổi kịp giữ lại và báo Công an xã HB. Công an xã HB đã mời Trách về làm việc và thu giữ của Trách 2.720.000đ; 03 điện thoại di động; 18 tờ vé số; Tạm giữ của Huệ 01 xe mô tô biển số 72G1-790-44.

Tại cơ quan Công an, Trách thừa nhận số tiền 2.720.000đ là do Trách trộm cắp của chị M; 03 điện thoại do Trách trộm cắp trong nhà của chị Tú và tự khai nhận hành vi trộm cắp tiền trong nhà chị Truyền.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện XM đã thu giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng như sau:

Trả lại cho chị Tú 03 điện thoại di động gồm 02 điện thoại Samsung Galaxy A12; 01 điện thoại Samsung J7; Riêng sim điện thoại Tránh đã vứt, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Trả cho chị M số tiền 2.720.000đ;

Xe mô tô biển số 72G1-790.44 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn H. Ngày 04/02/2022 anh H có chị H mượn, sau đó Huệ chở Tránh đi bán vé số, việc Tránh trộm cắp tài sản anh H và chị H không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh H.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản chị M và anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Chị Lê Thị Tr yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.390.000đ là số tiền bị cáo trộm cắp của chị Truyền, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố các bị cáo Bùi Thị Tr về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Bùi Thị Tr về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Tr từ 3 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Đối với chị H là người dùng xe mô tô chở bị cáo từ huyện LD đi huyện XM, sau đó bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, cơ quan điều tra không chứng minh được vai trò của Huệ trong vụ án nên không có cơ sở xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 18 tờ vé số thuộc xổ số kiến thiết Bình Dương, đề số 02K5 ngày 04/02/2022 thu của Tránh, qua đối chiếu thì 18 tờ vé số này không có tờ nào trúng thưởng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát. Không có ý kiến tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Lời nói cuối cùng, bị cáo trình tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/02/2022 đến ngày 04/02/2022, với thủ đoạn giả vờ đi bán vé số dạo và lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, bị cáo đã có hành vi lén lút để thực hiện ba vụ chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 02/02/2022 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của chị Lê Thị Tr 5.390.000đ trong phòng ngủ của nhà chị Tuyên.

Vụ thứ hai: Khoảng 9 giờ ngày 04/02/2022 bị cáo lén lút chiếm đoạt 03 điện thoại của chị Tú với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.110.000đ.

Vụ thứ ba: Sau khi lấy được tài sản của nhà chị Tú bị cáo lén lút vào nhà chị M để thực hiện hành vi trộm cắp 2.650.000đ của chị M thì bị quần chúng phát hiện và bắt giữ. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Trách chiếm đoạt của các bị hại là 14.220.000đ.

Bị cáo là người có nhiều tiền án, có đến 07 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước xử lý nghiêm nhưng do lười lao động tham lam lợi ích vật chất nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo từng bị xử phạt nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, sau khi trở về hòa nhập với xã hội bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tuyên mức hình phạt tù hợp, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục riêng bị cáo, đồng thời bảo đảm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Trong thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện ba vụ trộm cắp tại các địa bàn khác nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự khai nhận về hành vi phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị M và ông Hùng đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Quá trình điều tra, chị Truyền yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 5.390.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét yêu cầu của bị hại là hợp pháp và việc bị cáo bồi thường cho chị Truyền là tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Truyền số tiền 5.390.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị M 03 điện thoại di động; trả lại cho anh H 01 xe mô tô biển số 72G1-790.44 là có căn cứ.

Đối với 18 tờ vé số thu giữ của bị cáo, qua đối chiếu kết quả xổ số thì không có tờ nào trúng thưởng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với việc Nguyễn Thị H dùng xe mô tô để chở bị cáo đi trộm cắp nhưng chị H không biết nên không có cơ sở xử lý Nguyễn Thị H là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Tr 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 05/02/2022).

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Bùi Thị Tr bồi thường cho chị Lê Thị Tr số tiền 5.390.000đ (năm triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 18 (mười tám) tờ vé số thuộc xổ số kiến thiết Bình Dương, đề số 02K5 ngày 04/02/2022, mở thưởng ngày 05/02/2022 gồm các dãy số như sau: 01 (một) tờ số: 880829; 03 (ba) tờ số: 926116; 04 (bốn) tờ số: 548241; 05 (năm) tờ số: 312976; 05 (năm) tờ số: 752936.

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 68/BB, ngày 03/6/2022).

4. Về án phí: Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự: Bị cáo phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện XM;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an huyện XM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện XM;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQCS Điều tra Công an huyện XM;
- CQ THA hình sự Công an huyện Xuyên Mộc;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

